

## **Bài 14: Kinh Tăng Chi (Chương 1 Pháp) - Phẩm Người Tối Thắng (tt8) | Sư Giác Nguyên giảng 02/01/2018**

### KINH TĂNG CHI

Bài 014\_Chương 3\_Phẩm Người Tối Thắng

TỠ KHEO NI (tiếp theo)

#### 6. Tỳ kheo ni Nandà – Đệ nhất Tu Thiền

Thưa quý vị, bây giờ mình học tiếp về cuộc đời của Trưởng lão ni Nandà. Trưởng lão ni Nandà là em ruột của ngài Nanda, vị em cùng cha khác mẹ với Thái tử Tất Đạt Đa. Vị này cũng là con ruột của bà Kiều Đàm Di Mẫu. Bà Kiều Đàm Di Mẫu có một người con trai là ngài Nanda và một người con gái là Nandà. Nanda là một kiều nữ sắc nước hương trời.

Sau khi toàn bộ quý bà mệnh phụ phu nhân hàng đầu của hoàng tộc Thích Ca đi xuất gia hết, trong đó có bà Gotami và bà Da Du Đà La, thì nàng cũng đi xuất gia. Vì nàng quá đẹp và có một điểm giống với bà Khê Ma là vừa xuất thân danh giá, vừa có nhan sắc thiên kiều bá mị, nên nàng có một cái tôi rất lớn. Nàng đi xuất gia nhưng rất ngại gặp Đức Phật, bởi vì nàng nghe kể lại rằng Ngài thường có những pháp thoại về nội dung bất tịnh của thân xác. Hình như trong giáo pháp của Ngài không có chỗ nào trang trọng cho nhan sắc nữ giới, cho nên nàng không muốn gặp Thế Tôn.

Nhưng dần dần, đã là người xuất gia thì cũng phải có lúc gặp Đức Phật chứ không thể tránh hoài được. Đức Phật xét thấy duyên lành giác ngộ của nàng đã đến lúc chín muồi, cho nên Ngài đã dùng cách mà Ngài từng độ cho bà Khê Ma. Khi Tỳ kheo ni Nanda đến hầu Ngài, Ngài dùng thần thông tạo ra một mỹ nữ đứng hầu quạt cho Ngài. Nàng không nghe pháp mà cứ lo nhìn cô mỹ nữ đó. Một lát sau, cô mỹ nữ từ một người trẻ tuổi, qua từng phút trở thành một bà lão nhăn nheo héo tàn. Nàng nhìn vào đó và cảm thấy kinh cảm. Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết pháp trong sự xúc động của nàng. Nghe xong, nàng chứng quả A La Hán.

Sau khi chứng quả, nàng có một biệt hạnh là thường xuyên nhập định. Phần lớn thời gian trong ngày và trong đời của nàng là nhập định. Nhân sở trường này, một ngày

kia trước mặt đại chúng, Đức Phật đã tuyên dương: trong các đệ tử Tỳ kheo ni của Ta, Tỳ kheo ni Nandà là vị đệ nhất trong các vị thiền giả, các vị chứng thiền. Vị này thường xuyên sống trong thiền. Ở đây có chữ Jhayirata, nghĩa là người thích thú, hoan hỷ trong thiền định. Đó cũng là một cái hạnh, tùy mỗi người. Có người thích hạnh này, có người thích hạnh kia.

Nhưng chúng ta ôn kỹ lại, biệt hạnh của các bậc Thánh Tăng Ni có một điểm là tất cả các hạnh đều nằm trong hai trường hợp: một là do phước xưa, hai là do sự luyện tập nhiều đời. Hai cái này khác nhau.

- Do phước xưa, ví dụ như đệ nhất tài lộc, kiếp này Ngài không cần làm gì hết thì tự nhiên cũng có. Hoặc là phước vô bệnh, đời này không cần làm gì hết, tự nhiên cơ thể khang kiện, khỏe mạnh. Hoặc là được chư thiên ái kính thì ngài không làm thêm gì hết, chỉ đi tu hành rồi đắc đạo, tự nhiên trở thành một nhân vật được chư thiên ái kính. Cho nên trường hợp thứ nhất là do phước xưa là như vậy.

- Còn trường hợp thứ hai là do rèn luyện nhiều đời. Thí dụ như mình thấy đệ nhất trí tuệ, đệ nhất đa văn, đệ nhất đầu đà, đệ nhất thần thông, đệ nhất pháp sư ... Tức là do nỗ lực của đời xưa đã đành, nhưng cũng phải do đời này nữa.

Cái đệ nhất này do hai trường hợp, thì trường hợp của nàng Nandà cũng là do luyện tập. Có nghĩa là khi chứng thiền, chứng đạo xong, nàng phải là người như thế nào mới được Đức Thế Tôn tuyên dương là đệ nhất thiền giả. Giả ở đây là người, chứ không phải giả là dỏm. Đệ nhất thiền giả có nghĩa là ngài thường xuyên nhập định nhiều nhất so với các vị Tỳ kheo ni khác.

Hình ảnh một vị Thánh Ni thường xuyên nhập định như vậy là một tấm gương sáng cho người hậu tấn đời sau thấy rằng không có một pháp nào đáng để một người tu hành an trú hơn là thiền định, dầu đó là thiền chỉ hay thiền quán. Bởi vì thế giới này là thế giới của sáu trần, mà suy đi xét lại thì không có trần nào đáng để mình sống chìm sâu trong đó hết. Khi chứng rồi, nếu chưa tới duyên Niết-bàn thì vị đó sống an trú trong cái gì sạch sẽ nhất, an toàn nhất và dễ làm gương sáng cho chúng sanh nhất. Ngoại trừ những vị đi hoằng pháp như đệ nhất pháp sư, đệ nhất trì luật, đệ nhất đàn xếp trú xứ tăng chúng, đệ nhất trong việc đàn xếp cư sĩ ... thì một vị A La Hán thường

xuyên trú thiên cũng là một kiểu nêu gương cho đời.

## 7. Tỳ kheo ni Sonà – Đệ nhất Tinh cần Tinh tấn

Tiếp theo, ta học về bà Tỳ kheo ni Sona. Cuộc đời bà là một câu chuyện rất buồn. Buồn nhưng đẹp. Buồn ở chỗ bà xuất thân là người có chồng con, giàu sang phú quý. Đến tuổi già, con cái đã nhận gia tài rồi, họ thấy không có lý do gì phải chăm sóc một bà cụ lom khom, nay bệnh mai đau. Người này đẩy cho người kia, người kia đẩy cho người nọ, cuối cùng không ai nuôi bà hết.

Chuyện này cũng không phải chuyện lạ, ngày nay cũng có. Mình một đời tuổi trẻ lo cho con, rồi lo cho cháu nội, có người lo cho cả cháu cố nữa. Tôi là người xuất gia, nói điều này giống như tôi chột cho quý vị bị cháy nhà thì cũng không nên, nhưng đang kể tích này thì cũng phải nói luôn: cái sai lầm nhất của mình là không giữ lại cái gì cho mình. Làm phước là làm phước, lo cho con là lo cho con, nhưng hãy nhớ rằng không có một cái gì ở trong cuộc đời này, trừ Phật pháp, có thể làm điểm tựa cho chúng ta. Ngoài Phật pháp ra, không có gì trên đời này có thể làm điểm tựa cho mình hơn tiền bạc. Bởi vì có tiền rồi thì mình nói chuyện được với đủ thứ người. Có những người mình chỉ cần một ít tiền là nói chuyện được. Có nhiều người mình cần nhiều hơn một chút, và có nhiều người mình phải xài tới một số tiền lớn. Rất là dễ nói chuyện. Đó là nói theo quan điểm thế gian.

Mình cứ một lòng một dạ tin là mình thương con thì con sẽ thương mình. Nhưng suy nghĩ đó hơi thiếu cơ sở. Là vì sao? Vì con gái sẽ nghe lời chồng, còn con trai sẽ nghe lời vợ. Nhớ cái đó, mà hai đứa rể dâu là người đừng. Nó khổ như vậy. Rồi chưa kể con mình lớn lên nó thương con của nó, chứ mắc chứng gì nó cũng thương mình. Chuyện quý vị trông đợi con cái có hiếu, tôi xin nói trước đó là một sự trông đợi rất mạo hiểm. Nó chỉ có 50/50 thôi. 50% kia là nó dành tâm tư, tình cảm, thời gian, công sức cho con của nó, chứ mắc chứng gì mà nó luôn thương mình. Trong room này ai may mắn có con chí hiếu thì tôi xin long trọng chúc mừng. Chứ tôi nói thiệt, khả năng con thương cha mẹ hơn thương con của nó là hơi thấp.

Bà hình như chưa biết qua chuyện này, thế là bà giao hết cho con. Sau khi giao hết, bà chỉ còn bàn tay trắng thì các cô cậu bèn trở mặt. Trong cái tuổi già cô đơn quạnh

hiu ấỵ, bà chợt nghĩ đến chùa. Bà nghĩ cửa Phật từ bi bao giờ cũng rộng mở cho những cảnh đời cơ nhỡ, quạnh hiu như mình. Thế là bà vào chùa, vào trong ni viện xin xuất gia. Nhưng bài học thứ hai ở cuộc đời mà bà không ngờ là mang tiếng đi chùa nhưng đâu phải ai trong đó cũng từ bi. Vào chùa là phải có gửi gắm, phải có thân thế, phải có ai gửi. Còn nếu không có con cháu gia đình thân thích, ít ra phải có đại thí chủ dẫn vào chùa cầm tay gửi gắm thì may ra. Chứ tự nhiên mình xách cái xà lỏn vào chùa cộng với một cái tuổi già hom hem, nhếch nhác thì cũng hơi khó, nhất là gặp toàn phàm phu. Người ta thương thì người ta cho tu, sau nhiều cân nhắc thì cũng cho bà tu, nhưng đẩy bà vào cái thế gọi là ô-sin già. Có nghĩa là việc gì dờ, việc gì nặng, việc gì mất công, tốn thời gian thì đẩy cho bà. Chỉ chừng đó thôi, còn tất cả những đặc ân, đặc quyền, đặc lợi thì không có phần bà trong đó.

Một ngày kia, các Tỳ kheo ni phàm phu được mời đi trai tăng. Lẽ ra theo tinh thần lợi hòa đồng quân thì đi hết, nhưng họ thấy bà này chỉ làm công vụ, không kinh kệ gì nên cho ở nhà làm tạp dịch. Trước khi đi, mấy cô dặn: Tụi này đi trai tăng xong về là phải có nước nóng để tắm, chứ thường đi xa về mệt rồi khó ngủ trưa lằm. Dặn dò bà vậy, bà ở nhà xách nước. Vì ni trẻ đông quá mà chỉ có một thân già lụm cụt, bà xách biết bao nhiêu cho đủ. Bà loay hoay sao không biết, bà té một cái ạch, gãy cái xương chân. Trong lúc mới gãy xương, đau quá là đau, bà mới lấy cái đau đó làm đề mục niệm xứ. Bà đắc một lèo coi như là Lục thông, tức là Ngũ thông cộng với quả vị A La Hán, rồi Bốn trí vô ngại. Bà đắc xong rồi ngồi đó nhập thiền luôn. Mấy chị hai đi trai tăng no nê ngon miệng xong xuôi đi về, bắt đầu chuẩn bị đi tắm. Về tới nơi thì gặp bà cụt nhếch nhác, ngồi lim dim lim dim mà chung quanh thì thùng một nơi, quang gánh một nẻo, nước thì dờ bầy hầy đổ tung tóe ra đó. Họ mới trách: "Cái bà già này đã không có nên thân mà còn báo đời báo đạo nữa. Dặn có chút xíu nước nóng về tắm mà cũng không có."

Bà nghe như vậy mới chỉ tay ra mấy cái bồn nước, bà nói: "Cần nước sôi thì ngoài đó có kìa". Thì Bà chỉ tay một cái là ngoài đó đây ắp nước, có nước lạnh để pha và nước nóng khói lên nghi ngút. Họ hết hồn, tưởng bà là phù thủy, tưởng bà là dạ xoa. Nhưng trong đó có mấy bà biết chuyện, họ mới biết là bà đã đắc đạo, đắc thiền rồi.

Câu chuyện chỉ trong vòng ba giây sau là đến tai Đức Phật. Đức Phật ngài xác chứng rằng: "Trong đệ tử của ta, nếu nói về đệ nhất tinh tấn thì đây chính là người đệ nhất tinh tấn". Tuổi già nhần nhục chịu đựng, không than trách một lời trong chừng đó thời gian mà chu toàn bao nhiêu chuyện tạp dịch trong ni viện, không sơ suất tắc trách. Đã vậy, ngay trong cơn đau đớn của thân xác mà vẫn lấy đó để làm đề mục tu tập thì phải nói là có một không hai. Cho nên xét tiền duyên, nguyện cũ từ kiếp trước mà bây giờ Ngài xác định đây là vị Tỳ kheo ni đệ nhất trong đạo về hạnh tinh tấn.

#### 8. Tỳ kheo ni Sakulà – Đệ nhất Thiên nhân

Chuyện tiếp theo là Tỳ kheo ni Sakula. Trong chú giải chỗ này kể văn tắt, tôi cũng xin nói thêm là bà con vào Google đánh giùm tôi chữ "Chú giải Pháp Cú". Có hai bản dịch: bản dịch của Hòa thượng Pháp Minh hoặc là của Thiền viện Viên Chiếu. Tại sao tôi giới thiệu hai bản dịch này? Bởi vì đây là hai bản dịch được xem là sáng sủa nhất, thuần tiếng Việt nhất. Còn các bản dịch khác thì có vấn đề.

Chẳng hạn như trưa nay tôi đi tìm cho quý vị một tài liệu để đọc, chứ bây giờ mà kể ra nhiều cái thì nó lê thê lết thết. Cho nên để quý vị tự xem là tốt hơn. Tôi không ngờ trong đó có một bản dịch động trời như thế này: ông ngoại của bà Visakha được gọi là ông Triệu phú Ram. Tôi mới ngạc nhiên, nghĩ sao kỳ vậy? Tiếng Việt không ra tiếng Việt mà tiếng Pali không ra tiếng Pali. Triệu phú Ram là cái gì? Lúc đó tôi mới chợt nhớ rằng ông ngoại của nàng Visakha tên là Mendaka. Mendaka là con cừu, mà trong bản tiếng Anh gọi là Ram. Người dịch không biết vì sao không dịch mà lại gọi là ông Triệu phú Ram, tôi đuối luôn. Trường hợp này quý vị gặp thì đừng có lạ.

Sẵn đây tôi cũng cho quý vị biết luôn là trên internet xuất hiện những bản dịch tiếng Anh rất thú vị. Thí dụ như chữ Dhamma họ dịch là nước Pháp. Rồi ân đức, chữ Guna, họ dịch là Germany. Cho nên nếu các vị muốn thưởng thức mấy bản kinh này thì không khó, các vị lấy giùm tôi hai bản mà tôi vừa gửi lên đó, gồm "France" và "Guna Germany". Lấy hai cái này cộng lại thành một để bỏ lên Google thì nó sẽ dẫn quý vị tới một trang blog rất thú vị. Tình cờ tôi gặp mà giật mình. Trên internet đúng như lời cụ Nguyễn Du "Trăm năm trong cõi người ta", cái gì muốn biết thì tra Google, thượng vàng hạ cám đều có hết. Cho nên tôi xin đề nghị quý vị chỉ chú ý đến hai bản

dịch: một là của Hòa thượng Pháp Minh, hai là của Thiền viện Viên Chiếu. Đây là hai bản dịch tôi thấy rất tốt. Không phải tôi có tư cách gì để khen, nhưng thấy hay thì giới thiệu cho bà con. Trong đó sẽ giúp ích cho quý vị rất nhiều. Ở đây tôi chỉ nói chung chung thôi vì tôi đang nôn nóng sang phần giáo lý cho hấp dẫn, còn phần kể chuyện này bà con có thể tự tìm hiểu thêm.

Ở đây mình học về tích của bà Phú La. Bà có 100 ngàn đại kiếp tu tập Ba la mật. Đến đời Đức Phật của mình, bà sinh làm một cô tiểu thư, đi xuất gia rồi chứng lục thông. Lục thông gồm: thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng thông, biến hóa thông và lậu tận thông. Đã nói lục thông thì vị La-hán nào cũng có khả năng đại khái giống nhau. Nhưng sở dĩ có danh hiệu đệ nhất là vì hai lý do: một là vị đó chuyên sống trong định ấy, hai là khả năng của vị đó không ai bì kịp. Bà Bắc-cu-la này chứng La-hán lục thông giống như các vị La-hán khác, nhưng bà có sở trường đặc biệt về thiên nhãn. Bà có thể thấy xa, thấy nhiều và thấy nhanh hơn những vị khác.

Tại sao lại thấy nhanh? Trong chú giải có ghi: ví dụ như Túc mạng minh, vị nào kém thì phải nhớ bằng cách dò từng đời một, hai, ba, bốn một cách từ từ. Đó là kiểu thấy như rọi đèn dầu, đi từng bước một. Còn kiểu rọi đèn pin thì khác, cần rọi chỗ nào là bấm ngay chóc chỗ đó. Với kiểu thấy của đèn pin thì mình thấy nhiều và nhanh hơn. Kiểu dò giống như cầm đèn dầu đi từng bước: "Hoa lài, hoa lý, hoa ngâu, không bằng hoa bưởi thơm lâu dịu dàng", cứ đi từng bước như vậy thì biết kiếp nào cho xong. Hoặc như ngài Anuruddha bên Tăng, vị đệ nhất thiên nhãn, ngài có thể nhìn thấy vô số, nghĩa là rất nhiều, chứ không phải là vô lượng vô biên.

Đệ nhất thiên nhãn, ngài có thể nhìn thấy vô số. Nói vô số có nghĩa là nhiều chứ không phải là vô lượng vô biên theo nghĩa đen như chư Phật, nhưng rất là nhiều. Ngài có thể thấy nhiều thế giới, nhiều hệ mặt trời với một tốc độ là cần thấy là thấy. Thí dụ như ngài muốn biết chuyện này ngoài ở đây còn có thể có ở thế giới hay vũ trụ khác hay không, thì trong vòng tích tắc là ngài biết ngay, thấy ngay tường tận tình tường, chứ không có lò mò như mấy vị yếu.

Trong các biệt hạnh thánh nhân đệ tử Thịnh văn của Đức Phật, thiên nhãn cũng là khả năng mà bản thân tôi cũng mê. Thí dụ như trong các biệt hạnh, tôi mê đệ nhất trí tuệ,

đệ nhất thiên nhãn, rồi đệ nhất luận nghĩa - Phật nói ngắn mà mình có thể nói rộng - rồi đệ nhất vô bệnh. Bệnh quá nên cũng mê cái đó, mà dĩ nhiên đâu có vị nào gồm thâm lục quốc đâu, cho nên mình chỉ được một thứ thôi.

#### 9. Tỳ kheo ni Bhaddà Kundalakesà – Đệ nhất Thăng trí

Tiếp theo là tích nàng Kundalakesà. Kundala nghĩa là tóc xoắn, uốn cong; kesà là tóc. Nàng là người có mái tóc xoắn, giống như Xuân Tóc Đỏ của Vũ Trọng Phụng vậy. Nàng cũng có một trăm ngàn đại kiếp huân tu Ba la mật với hạnh nguyện trở thành vị đệ nhất tốc chứng, như ngài Bahiya bên Tăng vậy. Có nghĩa là không cần nghe nhiều, chỉ cần nghe sơ qua một phát là chứng.

Các vị còn nhớ có bốn hạng người gặp chánh pháp hay không?

- Một là Ugghatitannu, nghe một câu đã chứng.
- Hai là Vipancitannu, nghe hết một pháp thoại đầy đủ mới chứng.
- Ba là Neyya, phải được hướng dẫn hành trì từng bước mới chứng.
- Hạng số bốn gọi là Padaparama, giỏi lắm cũng chỉ là một pháp sư Tam Tạng thôi. Giỏi đó là giỏi lắm đó, bởi vì Pada ở đây có nghĩa là từ chương, chữ nghĩa; Parama là tối đa, giỏi lắm cũng chỉ là pháp sư Tam Tạng.

Ở hạng số một là Ugghatitannu, nghe một câu đã chứng, thì trong đó chia ra nhiều cấp. Có nhiều vị nghe xong đắc thẳng một lèo lên tới A La Hán, hay chỉ đắc từng bậc Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả. Rồi chưa hết, có những vị đắc chậm không phải vì họ thiếu trí mà vì họ là bậc đại trí nên phải đắc chậm. Có người đắc chậm vì thiếu trí, có người đắc chậm vì quá nhiều trí.

Như vua đi đâu cũng phải chuẩn bị nhiều hơn một người nghèo. Người nghèo chỉ cần một cái ba lô, một chai nước với năm cơm năm muối mè là xong. Còn nếu ở bên Tây thì khúc bánh mì, trái táo, chai nước suối là xong. Còn nếu mình là một triệu phú, tỷ phú, đi đâu cũng có vệ sĩ, vú nuôi, có người còn dắt theo thú cưng, rồi vali hành lý vài chục cái. Nội đựng mỹ phẩm, nữ trang là khoảng năm cái, áo quần vài chục cái, giày dép ba bốn cái. Cho nên mỗi lần đi rất cồng kềnh, rườm rà. Ở đây mình nhớ, cái này là kinh nói chứ không phải tôi nói. Có người đắc chậm là vì thiếu trí, nhưng mà cũng có người đắc chậm là vì quá nhiều trí. Như vua đi đâu phải chuẩn bị nhiều hơn

người nghèo. Trong kinh, ở trong chú giải Pháp Cú nói là ngài Xá Lợi Phất sở dĩ nghe một câu mà đắc liền là vì ngài là người nhanh trí, nhưng phải mất hai tuần sau ngài mới chứng A La Hán. Thì cái chậm này là do ngài nhiều trí. Nghe đắc liền là nhanh, mà đắc chậm là do nhiều trí. Đặc biệt vậy đó.

Bà này sau 100.000 đại kiếp tu hành, đến đời Đức Phật mình, bà có đầy đủ phước báu mới sanh ra trong một gia đình rất giàu sang phú quý. Cuộc đời của bà trong đây kể vắn tắt thôi. Bà đẹp người đẹp nết, con nhà giàu, hội đủ điều kiện để lấy tới công hầu khanh tướng. Nhưng một ngày kia, bà đứng trên lầu cao nhìn xuống, thấy người ta đang dẫn ra pháp trường để chém đầu một anh ăn cướp. Anh này râu hùm hàm én, mày ngài, vai năm tấc rộng, thân mười thước cao, y hệt như Từ Hải bị Hồ Tôn Hiến giăng bẫy vậy. Nàng thấy hình tướng đó thì chịu không nổi, thương lắm, có lẽ là tình kiếp xưa, cho nên nàng mới chạy xuống năn nỉ cha già bằng mọi giá đi cửa sau với nhà chức trách để thả anh chàng này ra. Bà bỏ tiền mua mạng cho anh ta. Anh ta từ một người một chân trong chân ngoài ở quý môn quan, tự nhiên bây giờ được một giai nhân kiều diễm lấy làm chồng, được tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc diện sang trọng, thơm phức. Cái này không phải hũ nếp mà là vừa nếp, lại là nếp một như xôi nếp một, như đường mía lao mới ghê.

Trời xui đất khiến, quý vị biết không, tôi nói cái này quý vị trong room cũng ngạc nhiên, tại sao tôi không chuyên tâm thiền định nghiên cứu kinh điển mà lại đọc báo chí. Thỉnh thoảng tôi đọc báo thấy có nhiều người y chang như anh này vậy. Tức là đã có được một người yêu giàu, đẹp, trí thức, còn mình là một kẻ thất học, lưu manh, xăm trổ đầy người, tự nhiên một ngày đẹp trời được người ta để mắt tới. Vậy mà không biết nghĩ sao, trong một lần ân ái lại dè người ta ra bóp cổ chết để lấy có vài triệu bạc. Chuyện đó xảy ra thường ngày ở Việt Nam. Tôi nghe mà tôi tức, tôi nói trời ơi, bây giờ mà có một thí chủ cư sĩ nào đem tôi về nuôi, đời này kiếp này kêu tôi giảng kinh là tôi giảng, kêu tôi nín là tôi nín, không dám nhúc nhích. Huống chi mình là một người xăm trổ, nghĩ làm sao mà vì một món tiền nho nhỏ con con mà dè người ta ra bóp cổ. Anh này cũng y chang như vậy. Cái nghiệp đó, cái phước đó tới đó là hết rồi, không còn đủ phước để hưởng nữa. Lấy được một người con gái đẹp, có bối cảnh

tốt như vậy mà anh không cam tâm, anh muốn trở lại cuộc đời bay nhảy thưở nào. Cho nên anh mới dụ nàng lên trên núi và nói rằng ngày xưa, trong lúc bị tuyên án tử, anh có khấn với linh thần là nếu mai sau thoát được nạn này, rời khỏi được quỷ môn quan thì xin có một lần trả lễ. Trả lễ tiếng Pali gọi là Balikamma, tức là cái lễ cúng.

Nàng thương quá nên gật đầu, rồi hai người sắm sửa lễ phẩm làm một mâm hoành tráng đem lên núi, chỗ mà anh đã lựa chọn chắc chắn. Lên tới nơi, anh mới nói thật: "Bây giờ anh không có thần thánh gì hết, anh giết em vì anh không thể sống với em được nữa, mà anh cũng không thể nào để em sống". Nàng nghe như vậy thấy là thua rồi, mới nói: "Một ngày một bữa cũng là tình. Trước khi anh giết em để tạ lễ, anh cho em lay một cái để tạ từ". Anh nghe vậy thì khoái, đang lim dim thì nàng đẩy một cú khiến ông rơi từ trên đỉnh xuống vực chết. Nàng hơi có chút mưu mẹo, nhưng không xài kế gian sao thoát được kẻ gian. Khổng Tử có nói: không nên có lòng hại người, nhưng cũng không nên thiếu lòng phòng người. Lòng hại người thì không nên có, nhưng lòng đề phòng thì không nên không.

Giết xong rồi, nàng mới nghĩ trong bụng: "Nợ đời trở trêu, tình đã tan, tim đã nát, bây giờ về ăn nói với bố mẹ sao đây?". Trong tình huống này, ta còn mặt mũi nào về với cha mẹ. Ngày xưa lay lục van xin gia đình đi chuộc cái thằng trời ơi đó về, bây giờ về nói làm sao? Cộng thêm trái tim tan nát, đá nát vàng phai, còn gì nữa đâu mà sống ngoài đời, nên nàng quyết định đi tu.

Do thiện căn rất nhiều đời, sau khi xuất gia, nàng vào đạo này học một ít thấy không hợp lại bỏ qua đạo khác. Sau khi trôi nổi qua nhiều tông phái, nàng đã học được tất cả bí kíp, kinh điển mật môn của các bộ phái và cuối cùng trở thành đệ nhất biện sĩ. Nàng là một du sĩ có biện tài và rất giỏi.

Hồi xưa Ấn Độ có cái tục rất hay. Nếu ở châu Âu trung cổ, người ta giải quyết vấn đề bằng cách đấu kiếm, thì ở Ấn Độ, những ai thấy mình – dù là tu sĩ hay người đời – cần có một cuộc thách đấu về trí tuệ, về biện tài thì cứ công khai thách đấu, sẽ có người tìm đến. Chuyện này có nhiều lắm. Thí dụ như bố mẹ của ông Saccaka biện sĩ, hai người đều là người tài, khi thách đấu họ cảm mến nhau rồi lấy nhau, mới sinh ra Saccaka. Cho nên ở đây cũng vậy, nàng mới thách đấu bằng cách nào? Hình thức

thách đấu rất dễ thương: lấy một nhánh cây ghim lên một đồng cát tự mình vun lên. Đó là lời thách đố. Trừ con nít ra, nếu người lớn nào nhổ nhánh cây đó tức là chấp nhận lời thách đấu của mình.

Bữa đó, ngài Xá Lợi Phất đi bát ngang qua, thấy nhánh cây ghim đó, ngài mới hỏi mấy đứa nhỏ: "Cái này có người ghim phải không? Ai ghim vậy?". Tụi nhỏ nói có bà đó giỏi lắm ghim. Ngài bảo: "Nhổ giùm ta đi". Ngài không tự tay nhổ mà bảo tụi nhỏ nhổ. Ngài dặn: "Nếu người ghim hỏi ai nhổ thì cứ nói là Tôn giả Xá Lợi Phất đang ở chỗ đó chỗ đó".

Dĩ nhiên quý vị biết rồi, ngài là Đệ nhất Trí tuệ, lại có bốn trí vô ngại. Sau đó, khi nàng tìm đến để thực hiện cuộc đàm luận, nàng đã bái phục và đi xuất gia. Ngài hỏi bà một câu: "Trên đời này người ta hay nói số một, số hai, số ba, số bốn. Vậy theo nàng, cái số một quan trọng nhất trên đời này là gì?".

Ở đời không ai sống mà không nhắc đến những con số. Dù là người mù chữ cũng phải biết các con số như một đồng, hai đồng, một xu, hai xu, một hào, hai hào. Không ai sống trên đời mà không nhắc đến con số: một ngôi nhà, tám ngôi nhà, một con sông, bốn con suối, năm quả đồi, tám ngọn núi. Nói chung, cuộc đời bao trùm bởi những con số.

Nhưng ngài hỏi: "Con số một quan trọng nhất, số hai quan trọng nhất, số ba quan trọng nhất là gì, nàng biết không?". Dĩ nhiên nàng không biết được. Trong kinh Đức Phật dạy rằng ai sống ở đời cũng phải nhắc đến những con số. Có những con số mà mình biết vô lượng kiếp nhưng vẫn cứ chai lì ra đó làm kẻ phàm phu sinh tử trong biển đời bát ngát. Nhưng có những con số mà khi biết rồi thì quãng đường sinh tử sẽ tự dừng rút ngắn lại. Những con số đó là gì?

Con số một quan trọng nhất chính là: muôn loài sống nhờ thực phẩm. Số hai quan trọng nhất là: danh và sắc. Cứ như vậy, những con số này nếu biết được mới dẫn đến giải thoát. Bất cứ cái biết gì, ngay cả khi là tiến sĩ toán học, vật lý hay hóa học, biết bao nhiêu con số hay bảng tuần hoàn hóa chất đi nữa, cũng không có con số nào quan trọng bằng những con số này.

Nàng nghe thấy lạ quá, vì từ trước tới giờ chưa bao giờ được nghe. Nhất là khi nàng

hiếu được câu đầu tiên, mà ngay cả Phật tử Việt Nam mang tiếng mấy chục năm học đạo cũng ít khi chịu hiểu. Câu đầu tiên mà tôi nhớ hôm trước có giải thích rồi: "Muôn loài sống nhờ thực phẩm". Câu này là nội dung của toàn bộ Phật pháp. Không biết trong room còn ai nhớ không? Còn nhớ câu "muôn loài sống nhờ thực phẩm" không? Pháp thiện là thực phẩm cho người thiện. Nhờ có pháp thiện mình mới có nhan sắc, mới có sức khỏe, mới có trí tuệ. Như vậy, pháp thiện là thực phẩm. Pháp bất thiện cũng là thực phẩm. Nhờ pháp bất thiện mà chúng sanh mới có thời gian ở địa ngục, mới có lửa địa ngục để xài, mới có nỗi khổ niềm đau, sự đói lạnh, thương tích của loài đọa xứ. Nói chung, mọi thứ trên đời này tồn tại đều phải nhờ đến những nguồn năng lượng hỗ trợ, và nguồn năng lượng đó được gọi là thực phẩm.

Vấn đề là ta là loại chúng sanh nào, ta sống bằng loại thực phẩm nào và loại thực phẩm đó biến ta thành loại gì tiếp theo. Nói như vậy thì toàn bộ Phật pháp chỉ là vấn đề thực phẩm. Hôm nay hoặc từng ngày, mỗi bữa đầu tuần mà bà con vào room nghe chúng tôi nói chuyện cũng là quý vị đang ăn. Còn quý vị ăn bằng tâm trạng gì, bằng hệ thống tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp ra sao thì đó là chuyện của quý vị. Nhưng phải nói rằng, mỗi lần mình đọc sách, mỗi lần nghe ai đó nói chuyện là một lần mình đang nạp thực phẩm, nạp dưỡng tố vào cho đời sống của mình.

Cho nên chỉ một câu thôi: Muôn loài sống nhờ thực phẩm. Từ đất đá, cây cỏ đến con ong cái kiến, cho đến Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thái Thượng Lão Quân, Diêu Trì Kim Mẫu, rồi đến Đại Phạm Thiên, Ác Ma Thiên Tử, Đế Thích, Long Vương, Càn Thát Bà, Cưu Bàn Trà, Kim Xí Điểu, tất thảy đều sống trong sự hỗ trợ của nghiệp thiện, nghiệp ác. Tất cả nói chung nằm trong bốn loại thực phẩm, nhưng ở đây Ngài chỉ nói gọn: Muôn loài sống nhờ thực phẩm. Chỉ một câu này, một chữ thực phẩm này thôi đã bao gồm nhất thiết càn khôn, sâm la vạn tượng.

Nghe xong nàng thích quá nên xin đi xuất gia. Về sau, trong một dịp trước mặt đại chúng, Đức Thế Tôn xác nhận rằng trong hàng đệ tử của Ngài, không có một Tỷ-kheo-ni nào có khả năng chứng đắc nhanh như vậy. Đó là chuyện đời vừa đẹp vừa buồn của nàng Kundalakesi.

Tỳ kheo ni Bhaddà Kapilànì – Đệ nhất Nhớ đến các thời quá khứ

Tiếp theo là chuyện về nàng Bhadda Kapilani, vị đệ nhất Túc Mạng Minh. Giống như bên Tăng cũng có vị đệ nhất như Ngài Sobhita vậy. Phụ nữ, nhất là các nữ Phật tử, nên xem bà là một trong ba hình mẫu để chọn lựa.

- Một là lạnh lùng băng giá, quên đi phái tính, cầm đầu vun bồi thiện pháp để nếu đủ duyên thì thành nam, còn không thì chứng đạo ngay trong thân nữ, vẫy tay giả biệt trầm luân. Cứ chuyên tâm tu hành, đủ duyên thì thành nam cho vui với người ta, vượt râu lần cuối trước khi Niết-bàn. Còn nếu vẫn tiếp tục là thân nữ thì cũng có thể đắc đạo trong hình thức nữ giới, coi trọng tu tập mà không màng phái tính. Đó là trường hợp một.

- Trường hợp hai là cùng nắm tay sánh vai với một vị Bồ-tát để chung lo cho ba cõi nhân thiên như bà Da Du Đà La. Nghĩa là bên cạnh cái tình riêng đối với Bồ Tát, bà có tấm lòng của một người nghĩ đến vạn loại hữu tình trong ba đời mười phương. Cực lắm, chứ nếu chỉ là tình cảm nhi nữ thông thường thì không đủ cái gan để đi suốt con đường của bà Gia Du đâu. Kính thưa quý vị, tôi phải nói rằng bà Gia Du là một người mà mỗi lần nhắc tới, tôi nghĩ mình chỉ nên có một động tác là chắp tay cúi quỳ lạy thôi. Không còn gì để nói, bởi vì bốn a tăng kỳ là lâu gấp đôi Phật Độc Giác, gấp bốn lần ngài Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất. Các vị nghĩ xem, không lụn xương sống sao được. Trong chừng đó thời gian chỉ để làm một việc là hỗ trợ cho người khác thành Phật, còn mình vẫn đứng bên lề lịch sử. Phải nói cái này mới đúng là tâm tư của một vị nữ nhi, vị đệ nhất anh thư. Đó là hạng thứ hai. Hạng một là quên đi phái tính, vui đầu để tu. Muốn đắc kiểu gì thì đắc, thành nam thì thành, không thì thành nữ, rồi đắc quả nam thân nữ thân, chỉ lo cho mình thôi. Hạng thứ hai là như bà Gia Du, cùng nắm tay Bồ Tát để lo cho đại sự.

- Hạng thứ ba này mới vui nè. Hạng thứ ba này là đi một mình có vẻ quạnh hiu, thôi thì hãy chọn lấy một người mà lúc rảnh coi nhau là bạn đời, lúc quờn thì coi nhau như bạn đường. Đi một mình thì quạnh lắm. Có nhiều người, bắt họ làm nam thì họ cũng còn tiếc mấy thỏi son, mà bắt thành nữ kiểu nhi nữ thường tình thì họ đã vượt khỏi cái tầm đó lâu rồi. Họ sống bằng tâm hồn của nam tử hán đại trượng phu, đầu đội trời chân đạp đất. Có điều, trong góc sâu thẳm nơi đáy tim, họ cũng thêm một

vòng tay đủ ấm, đủ mạnh để tựa. Người đó là ai? Hình mẫu thứ ba chính là nàng Cáp La Ni mà mình đang học đây.

Nàng Cáp La Ni suốt cả trăm ngàn đại kiếp chỉ thương có một người thôi, đó là ngài Ma Ha Ca Diếp. Trong mắt nàng, trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới này, nếu tìm một cội tùng để tựa thì nàng chỉ hợp với mỗi con người này thôi. Lạ lùng một chỗ, đừng nghe như vậy mà tưởng nàng là hạng phụ nữ tào lao. Hễ gặp nhau, ngài làm vua thì nàng là hoàng hậu, ngài làm chủ nhà thì nàng làm nội tướng phu nhân. Điều đặc biệt là hễ ngài Ma Ha Ca Diếp vào rừng tu thì nàng cũng dò dẫm đi theo sau.

Cái này mới ghê: ngài Ma Ha Ca Diếp đặc thiên là nàng lập tức đặc thiên. Vụ này tôi xin ngả mũ ngàn lần. Vụ này hơi khó. Mình thương người ta, đi theo người ta, học hạnh lành của người ta như bố thí, trì giới, phục vụ, hồi hướng, nghe pháp, cái đó thì được. Nhưng vụ người ta đặc thiên mình bèn đặc theo, người ta bỏ nhà mình bèn bỏ theo, người ta lên rừng mình bèn lên theo, thì tôi thấy chỉ có nam thôi. Vậy mà nữ có người làm được, chính là nàng Cáp La Ni của chúng ta. Qua nhiều và rất nhiều kiếp, chuyện này hơi mệt. Giống như bà Da Du Đà La, tưởng là bà nói với Bồ Tát bằng tình cảm ái ân tràn trề, xin thưa là không phải đâu. Bồ Tát chỉ cần cầm tay nàng mà nói: "Người ta cần nàng, nhưng ta cần Phật đạo". Khi Ngài nói như vậy, tam thiên đại thiên thế giới rung chuyển không chịu nổi. Khi người ta đến xin bà Da Du, Ngài chỉ nói một câu: "Người ta cần nàng, mà ta cần Phật đạo. Giúp ta một lần đi". Nàng gạt nước mắt và ra đi. Lúc đó đại địa chấn động, và nhiều lần như vậy.

Thưa quý vị, đến lúc sắp Niết-bàn, nàng có kể lại chuyện đó. Ngày xưa bao nhiêu kiếp đi theo Thế Tôn, Thế Tôn cho nhà, cho đất, cho cả nam nô nữ lệ, cho hết, cái gì con cũng chịu. Cuối cùng, Ngài đem cả mấy đứa con của mình đi cho luôn, con gạt lệ mà chia tay, không dám nửa lời trách móc. Khi không còn gì để cho, không còn người, không còn vật, không còn nhà, không còn đất, không còn vật gì sở hữu nữa, Ngài đem cả con đi cho, mà con vẫn lạy tạ Ngài rồi ra đi. Khủng khiếp như vậy.

Ở đây, bà Cáp La Ni chưa tới mức đó, nhưng hễ ngài Ma Ha Ca Diếp ở đâu thì nàng ở đó. Đặc biệt nhất là Ngài đặc thiên, nàng đặc theo. Ngài về Phạm Thiên, nàng về theo. Mà Phạm Thiên là gì? Là lìa dục ái và sân, trên đó không còn nam nữ nữa. Khi

từ Phạm Thiên trở xuống, cảm giác nam nữ hay hưởng thụ ngũ trần là coi như tê lưỡi, nghẹt mũi, không cảm giác. Nàng cũng vậy, nhưng thương thì cứ thương, một thứ tình cảm lạ lùng. Thương người ta là phải hỗ trợ người ta, chứ không phải thương là kéo người ta xuống. Đâu phải muốn thương Từ Hải là dễ, phải cỡ Thúy Kiều mới thương được Từ Hải. Phải cỡ Loan mới thương Dũng, cỡ Quỳnh Như mới thương Phạm Thái.

Sau nhiều kiếp như vậy, đến kiếp cuối cùng, tôi muốn nhấn mạnh một chuyện mà ít khi có dịp kể: mang thân nữ thì phải là người nữ thế nào cho đáng, để có thể gặp được những bóng tùng quân có vị thế trong tam giới. Ngược lại, nam cũng phải thế nào để người ta dựa vào, còn nếu không ai dựa thì một mình trong trời đất cũng sung sướng. Kiếp cuối cùng, nàng là một tiểu thư triệu phú, còn chàng là một thiếu gia triệu phú, gia tư không phải bậc trung mà là bậc thượng, rất giàu. Trang trại của ngài Ma Ha Ca Diếp rộng đến mức không thể đi bộ được, phải cưỡi ngựa đi một vòng dòm qua, nhắc nhở bảo ban người làm rồi đi tiếp, chứ không cách nào đi bộ hết.

Nhiều lần và rất nhiều lần những buổi trưa nắng chang chang như vậy đó, ngài cưỡi ngựa đi vô thăm trang trại. Ngài thấy nắng chang chang, rồi mấy con trùng, mấy con dế nóng quá mới nhảy ra ngoài đất. Rồi mấy con chim sẻ, mấy con chim nhỏ nhỏ xuống bắt chúng ăn. Rồi những con chim lớn lại rượt giành mồi của mấy con chim nhỏ đó. Những người nông phu, những người gia nhân mồ hôi nhễ nhại, áo quần lấm tẩm mồ hôi. Trời đổ nắng như lửa thiêu. Bản thân ngài tuy là quần là áo lụa nhưng cũng nóng nực. Con ngựa cũng khó chịu, nhảy lồng, nó hí, nó cũng đau đốn nực nội.

Ngài nhìn hết tất cả những cái đó, ngài gom thành một: "Trời ơi, sao luân hồi cảnh này ngán quá vậy ta? Nay mình là chủ, mình là thiếu gia, mình là đại gia, mình là công tử mà mình còn chịu không nổi, thì làm sao mà cứ như vậy mà luân hồi hoài? Cứ đời nào sanh ra cũng vậy là sao chịu nổi trời?" Ngài nghĩ như vậy đó quý vị.

Còn mình thì sao? Trưa nắng thì mặc trưa nắng, miễn là có tiền để mình le lưỡi mình đếm là mình thấy phê rồi. Có tiền, trưa nắng cháy mà le lưỡi đếm tiền là đã thấy vui rồi. Mà ngài thì không. Ngài mới chán quá, mà gia đình ép ngài lấy vợ, ngài mới thuê thợ làm cho ngài một cái tượng vàng thiệt là đẹp. Ngài hiểu ngầm là cái tượng đẹp

như vậy thì không có cách chi mà có người giống được hết trơn. Mũi như vậy, môi như vậy, trán như vậy, tai như vậy, mắt như vậy, gò má vậy, cằm như vậy. Ngài cố ý lựa ra, chọn ra một cái hình mẫu đẹp nhất, lông lẩy nhất. Ngài mới kêu thợ làm xong, ngài nói: "Bây giờ nếu mà kiếm được cái cô nào mà giống y chang như vậy thì con lấy, còn không thì thôi cho con miễn đi."

Thì không ngờ là gia đình đi lục lạo cũng mau ra một nhân vật y chang như vậy. Đẹp như vậy, dĩ nhiên nét tương đương nhưng mà cái màu da thì đẹp hơn, vì là người thật mà. Chuyện này tôi nhớ tôi kể rồi, trong ngày rước dâu thì hai người mới lén gửi thư cho nhau. Hai người mới nói rằng lấy là lấy theo lệnh gia đình thôi chứ còn không có ái ân gì hết trơn, nản lắm rồi. Nhờ vậy đó, chuyện dài lắm tôi chỉ kể vắn tắt như vậy, sau đó hai người đi tu. Lấy nhau là để cho cha mẹ vui nhưng mà sau đó đi tu. Trong đêm hợp cẩn, mỗi người nằm riêng một góc giường thôi.

Sau đó hai người đi tu rồi hẹn nhau. Hẹn nhau là ai tìm đạo bất tử trước thì sẽ về tìm người còn lại. Và ngài Ma Ha Ca Diếp gặp Phật trước, ngài xuất gia và sau đó ngài mới gặp lại nàng Bhadda Kapilani. Nàng cũng chứng quả A La Hán, rồi được Đức Phật xác nhận là đệ nhất Túc mạng minh. Có nghĩa rằng một đêm như vậy nàng có thể nhớ hàng trăm đại kiếp, nhớ nhanh, nhớ nhiều, nhớ giỏi và thường xuyên sống ở trong những lần nhập định để sử dụng Túc mạng minh nhiều hơn những vị khác. Với cái khả năng đó, cái biệt tài đó. Đó là câu chuyện về nhân vật thánh ni mà mình cũng vừa học xong.

#### 11. Tỳ kheo ni Bhadda Kaccana (Da Du Đà La) – Đệ nhất chứng đạt đại thắng trí

Bây giờ mình học tiếp về một người nữa đó là Bhadda Kaccana. Chính là ai? Chính là bà Da Du Đà La. Bà có nhiều tên gọi lắm. Một là Bhadda Kaccana như mình thấy, rồi nàng Bimba, rồi Rahula Mata. Nàng có nhiều tên gọi như vậy: Bhadda Kaccana, Bimba, rồi Yasodhara. Còn riêng khi đi xuất gia, Đức Phật gọi bà là Rahula Mata, tức là mẹ của Rahula.

Chuyện về bà, nếu quý vị xem trong bản chú giải sẽ thấy nó rất ngắn. Tại sao lại ngắn? Thứ nhất, bà là một nhân vật quá nổi tiếng. Thứ hai, cuộc đời của bà không cần kể nhiều, bởi vì kể về Đức Phật là phải kể về bà. Cho nên bao nhiêu chi tiết lớn

nhỏ về bà, mình có thể đọc thấy trong Phật sử hết rồi. Ở đây chỉ kể văn tắt thôi.

Chỉ kể hai chuyện văn tắt. Một là bốn a tăng kỳ về trước, bà đã nguyện hộ pháp cho Bồ Tát thành Phật. Thứ hai là 100.000 đại kiếp trước đây, bà đã quỳ trước Đức Phật Padumuttara để nguyện trở thành một Tỷ-kheo-ni đệ nhất thắng trí. Thắng trí là sao? Đệ nhất thắng trí tức là lục thông. Xin lỗi, ngũ thông mới đúng. Tại sao không phải lục thông? Bởi vì cái thông thứ sáu là lậu tận thông, chính là quả vị A La Hán mà vị nào cũng có hết.

Cho nên A La Hán có nhiều hạng: A La Hán lục thông, A La Hán tam minh, hay A La Hán nhất thông. Thí dụ có vị chỉ có khả năng nhớ kiếp trước, hoặc có vị Tam minh chỉ có ba thông. A La Hán lục thông là có ngũ thông cộng với bản thân quả vị A La Hán là một thông nữa. Còn A La Hán nhất thông là chỉ hết phiền não, ngoài ra không có thần thông gì cả.

Trong kinh có nói rõ, có nhiều vị đắc thần thông nhưng do tiền nghiệp nên không có đủ ngũ thông. Thí dụ như ông Cakkhupala, ông có tha tâm thông, có nhãn thông nhưng không có thiên nhĩ thông. Chuyện ngũ thông không bắt buộc phải có đủ.

Bây giờ mình trở lại bà Gia Du. Nói đến bà là phải nói đến hai sự kiện.

- Sự kiện thứ nhất là bốn a tăng kỳ trước, bà đã quỳ trước mặt Đức Phật Dipankara, nguyện trở thành người hộ pháp cho Bồ Tát Sumedha, tức là người sau này trở thành Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

- Sự kiện thứ hai, dấu mốc quan trọng trong cuộc luân hồi của bà, là cách đây 100.000 đại kiếp, bà đã quỳ trước Đức Phật và nguyện trở thành một Tỷ-kheo-ni đệ nhất thắng trí. Có nghĩa là ngũ thông của bà không ai bì được trong hàng Ni giới. Cho nên bên ni đúng là có những vị đệ nhất về túc mạng minh mình mới học xong, đệ nhất về thiên nhãn mình cũng học xong, nhưng tròn trịa cả năm thông như bà thì không.

Trong đây có kể mỗi vị Chánh Đăng Giác có bốn người đệ tử nhớ được hơn một a-tăng-kỳ. Nhớ hơn một a-tăng-kỳ ở đây gồm có hai vị Thượng thủ Thinh văn, bà Gia Du và ngài Bacula. Tổng cộng là bốn vị, tức là nhớ được tiền thân trong một a-tăng-kỳ và 100.000 đại kiếp.

Sau nhiều kiếp, như hồi nãy tôi đã kể, bà hỗ trợ Bồ Tát. Khi Bồ Tát tu hành, bà nấu cơm, quét nhà, giặt giũ chần đệm mừng mền lo liệu. Có nhiều kiếp phải có một bà nội tướng như bà thì Bồ Tát mới yên tâm tu hành Ba la mật. Đặc biệt là bà không có léo nhéo, bởi vì bà tin Ngài, bà tin Ngài làm đúng nên không phiền trách. Phải nói một người phụ nữ chia sẻ được lý tưởng với người đàn ông là không dễ tìm đâu quý vị.

Có nhiều bà hồi đầu chí lớn, cùng chồng đi hoạt động, bốn ba làm quốc sự, làm chính khách. Nhưng tới hồi bắt đầu có của ăn của để, có chút tiếng tăm là bắt đầu lo đi đánh ghen. Hồi xưa ví dụ như ông Tôn Dật Tiên lấy bà Tống Khánh Linh. Bà Mỹ Linh thì lấy ông Tưởng Giới Thạch, còn Tôn Dật Tiên lấy bà Tống Khánh Linh. Một người đàn bà như vậy không phải dễ kiếm đâu quý vị.

Một người như bà Gia Du khó lắm, nghĩa là chia sẻ lý tưởng của chồng. Là người đầu ấp tay gối, kề vai tựa má, chuyện nhỏ thì cảm thông, chuyện lớn thì chia sẻ. Cái khó nhất là chuyện lớn chia sẻ mà chuyện nhỏ lại cảm thông. Lỡ có ai đâu mà cuối mắt với chồng mình thì bà cũng tỉnh bơ, bởi vì bà biết nếu Ngài có một chút sa cơ mềm lòng thì đó cũng là chuyện nhỏ thôi. Chuyện lớn chia sẻ, chuyện nhỏ cảm thông. Còn mình thì không có khả năng này. Cho nên nam không đáng mặt anh hào, nữ không đáng mặt anh thư. Thành ra ngưu tầm ngưu, mã tầm mã. Tôi có biết một cô Phật tử coi phim Cuộc đời Đức Phật do Ấn Độ đóng, cổ có chồng rồi, năm nay cũng trọng tuổi, bữa gặp tôi cố nói mà tôi không biết nên khóc hay nên cười.

Cô ấy có chồng rồi, năm nay cũng trọng tuổi. Bữa gặp tôi, cô nói mà tôi không biết nên khóc hay nên cười: "Trời đất ơi, con nhìn ông diễn viên đóng Bồ Tát Tất Đạt đẹp trai quá trời, mà bà Gia Du cũng đẹp quá cỡ. Tự nhiên con nghĩ mấy cặp như vậy mới nên ráp vô, chứ sao con thấy mình bây giờ toàn là cào cào lấy châu chấu không. Con nhìn mà hết muốn lấy chồng luôn. Trong khi mình nhìn thấy ngài Ma Ha Ca Diếp với nàng Bhadda Kapilani thiệt là đẹp đôi, Bồ Tát Tất Đạt với bà Gia Du Đà La thiệt là đẹp đôi. Còn nếu tìm không ra thì thà đi một mình, chứ ráp vô tầm bậy, kiểu sai nôi lộn nấp thì khó lòng lắm."

Cho nên, học chuyện đời của mấy bậc Thánh là để mình ngẫm lại. Thứ nhất, mình chỉ cần đọc câu thần chú này: Tôi sẽ là một con người như thế nào để có thể có những

người bạn đường và bạn đời thật ngon lành? Nếu mình là người nam, mình phải là một người chồng, người bạn trai xứng đáng với những người vợ, người bạn gái xuất sắc. Nếu mình là người nữ, mình cũng phải trang bị làm sao để người ghé mắt nhìn mình, hạng bét cũng phải là tử tế, chứ còn thứ như Mã Giám Sinh hay Sở Khanh thì uổng đời quá. Cho nên cứ nhớ câu thần chú: Tôi sẽ làm sao để bản thân xứng với người khác, và người đến với tôi cũng phải xứng với tôi. Chuyện về bà Gia Du kể vẫn tắt như vậy thôi, tại vì ai cũng biết chuyện bà rồi.

## 12. Tỳ kheo ni Kisàgotami – Đệ nhất Mang y thơ

Tiếp theo là chuyện nàng Kisàgotami. Kisa có nghĩa là ốm o gầy mòn. Có nhiều huyền thoại kể về nàng, ở đây chúng ta kể tắt thôi. Nàng vốn sinh ra mang phận gái nhà nghèo. Cách đây 100.000 đại kiếp, nàng cũng tu hành, phát nguyện như người ta. Nhưng sau nhiều đời sinh tử, đến kiếp chót cuối cùng khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời hoằng pháp độ sinh, nàng lại sinh vào một gia đình nghèo khổ, người ốm nhách. Nhưng tại sao nàng lại lấy được chồng đại gia?

Cớ sự là có một ông chủ tiệm vàng to đùng. Một ngày kia, buổi sáng ông mở cửa dọn hàng bán vàng thỏi, bạc nén thì phát hiện tất cả vàng bạc đều biến thành than hết, loại than củi nấu bếp. Một ông đại gia bán vàng mà ngủ đêm thức dậy thấy toàn than củi thì ông kêu trời. Khi đó, có người mới mách cho ông: "Chuyện này không phải tự nhiên đâu, đây là chuyện lạ. Ông cứ để vậy đừng dọn. Khi nào có người có phước tới thì tự nhiên mọi sự sẽ trở lại như cũ."

Một hai ngày sau, Kisàgotami là một người con gái nhà nghèo, tình cờ đi ngang qua. Ông bá hộ mới thấy đồng than, bà mới cầm lên bà nói: Vàng bạc ai đổ đồng như thế này, coi giống như than đốt lò là sao? Ông nghe vậy hết hồn, ông thấy đây là than mà bà nói là vàng bạc. Ông hỏi: Bà bị bệnh hả? Đây là than mà. Bà nói: Không, cái này là vàng. Bà nói vậy rồi phần nào bà cầm vào thì nó thành vàng hết. Ông này biết người này là người đặc biệt, mình không thể xa người này được. Thương thì không thương, nhưng cần thì rất cần.

Đây cũng là bài học lớn trên đời. Có nhiều khi, có nhiều món hay nhiều người mình không thương, không thích, nhưng vì cần nên mình cũng phải chịu. Nói hơi bạc

nhưng sự thật là như vậy. Có nhiều món mình không thích ăn, nhiều cái ngon mà không lành, cái lành mà không ngon. Về Việt Nam có nhiều món ăn rất ngon nhưng không lành. Bên cạnh đó, về miền quê có nhiều món ăn rất lành. Thí dụ như rau bina, rau tập tàng, bông thiên lý, hay nhãn lồng mọc ở bờ ao, bụi chuối, bờ rào. Thấy nó vậy đó nhưng ăn vào thì lành. Trong quan điểm nhân sinh, trong tình người hay trong chuyện sở hữu tài sản cũng y chang như vậy. Có nhiều thứ không ngon nhưng lành, có nhiều cái lành mà không ngon.

Ông này thấy nàng ốm nhách ốm nheo cũng nản, người đâu nhìn không bắt mắt, nhưng vì thấy người này cần cho mình nên cưới. Nhưng có một điều là gia đình chồng coi rẻ thân thể của nàng lắm. Cho đến một ngày kia, khi nàng sinh được một đứa con, cả dòng họ xúm lại thờ nàng như thờ nữ thần, bởi vì họ thấy nàng là người có phước. Nhưng nàng xấu quá. Bây giờ có thêm đứa con trai đích tôn, cháu nội đích tôn, thì coi như nàng muốn mưa có mưa, muốn nắng có nắng. Xui cho nàng, đứa con chưa được một hai tuổi, mới lẫm chẫm đã lăn ra chết.

Các vị thờ tưởng tượng, mình là một người con gái sinh ra đã xấu xí, không nhan sắc, rồi do một chút may mắn mà bước chân vào cửa hào môn sâu tựa bể. Cửa hào môn là nhà giàu. Để rồi bây giờ, trong một phút giây, cái điểm tựa sau cùng trong cuộc đời để mình nắm níu tựa nương là đứa con trai rất mực dẫu yêu ấy, đã một sớm mai hồng không báo trước mà ra đi không thềm từ giã một lời. Làm sao nàng không đau cho được?

Thế là nàng trở nên điên dại, bỗng xác con không nghĩ đến chuyện chôn cất, cứ bỗng xác con điên dại đi trên đường, vừa đi vừa khóc: Ai cứu lấy con tôi? Ai cho thuốc để cứu con tôi? Nàng đi, nàng khóc, van xin: Cho tôi xin thuốc để cứu con tôi. Cứu con mà cũng là cứu cả đời nàng đó. Nó động trời ở chỗ cứu con mà cũng là cứu cả mình nữa. Có người thấy thương nàng quá mới nói: Ai mà cứu được cái xác đã chết rồi? Bây giờ chỉ có một cách nghe nói thôi.

Người ta mới nói thế này: Ai mà cứu được, cái xác đã chết rồi. Bây giờ chỉ có một cách, nghe nói thôi, không chắc chắn đâu, là Sa-môn Gotama ở chùa Kỳ Viên. Nghe nói hình như cái gì Ngài cũng biết, ai Ngài cũng thương hết. Ngài là người đặc biệt

lắm, hình như cái gì Ngài làm cũng được. Đó là người cuối cùng mà bà có thể tới gõ cửa, nếu Ngài từ chối thì coi như bà không còn hy vọng gì nữa.

Nghe như vậy, nàng bỗng xác con chạy tới gặp Ngài. Nàng quỳ sụp xuống và xin Thế Tôn cứu mạng. Thế Tôn vừa nhìn thấy nàng là biết ngay đứa con gái lưu lạc của mình trong vô lượng kiếp đã về đến nhà rồi. Khi nàng xin như vậy, Ngài nói rằng: Hãy đi ra làng này, ra thành phố này, tìm cho Ta một ít hạt cải trắng. Hạt cải trắng tiếng Pali là Siddharthaka, tiếng Anh dịch là white mustard. Ngài nói: Bây giờ con cứ bỗng xác đứa bé đi ra làng ra phố, kiếm ở đâu cho Ta được một ít hạt cải trắng mang về đây thì Ta có thể cứu được con của con. Nhưng với một điều kiện là ngôi nhà đó, người cho con hạt cải trắng đó, trong dòng họ của họ phải chưa từng có người chết mới được.

Còn nhà nào từng có người chết, có cha chết, mẹ chết, ông bà chết thì không được. Phải kiếm hạt cải ở nhà nào mà dòng họ chưa từng có người chết mới làm thuốc được. Nàng đi khắp nơi tìm kiếm. Dòng họ nào chưa từng có người chết thì mình xin một ít hạt cải của dòng họ đó về đây mới làm thuốc được. Đây chỉ là một phương tiện, không phải Ngài lừa gạt nàng, mà là một cách nói minh triết.

Lúc đó nàng đúng kiểu hữu sự vãi tứ phương, có chuyện rồi thì khó khăn nào cũng làm. Nàng bỗng xác con đi gõ cửa từng nhà để xin hạt cải trắng. Chuyện hạt cải trắng thì người ta chẳng những cho một nắm mà cho cả rổ cũng được. Có điều, điều kiện nàng đưa ra hơi lạ. Nàng hỏi: Trong dòng họ nhà này đã từng có người chết hay chưa? Họ nói: Bà khùng hả? Có gia đình nào mà chưa từng có người chết đâu? Người thì cha chết, mẹ chết, anh em, cô dì, chú bác. Nhà nào cũng có người chết, sao bà nói chuyện kỳ vậy? Rồi cánh cửa đóng sầm lại, bà lại tiếp tục đi gõ cửa nhà khác. Gõ mãi đến lúc tay bỗng con đã mỏi, nắng chiều đã xế, bỗng đứng trong cơn mệt mỏi và đau thương tận cùng, trong đầu nàng lóe lên một nhận thức: Thì ra hạt cải trắng không thiếu, nhưng không có ai trong cuộc đời này mà trong dòng họ lại chưa từng có người chết. Như vậy, cái chết, cái sinh ly tử biệt không phải là điều ngoại lệ, không phải là nỗi đau riêng tư của mỗi mình ta. Thế Tôn rõ ràng đã dùng phương tiện này để cứu ta. Nghĩ vậy rồi, nàng bỗng xác con vào nghĩa trang chôn cất và trở lại gặp Thế Tôn xin đi xuất gia. Sau khi đi xuất gia rồi thì dĩ nhiên chứng A La Hán. Dĩ nhiên, phải

người như vậy sao không chứng được A La Hán.

Có một điều là sau khi chứng quả xong, nàng đặc biệt hoan hỷ với một cái hạnh mà người ngoài nghe hơi khó chịu. Đó là suốt đời, từ khi đắp y cho đến khi viên tịch, nàng chỉ mặc một loại y phần tảo mà thôi. Y phần tảo có hai chữ Pali: một là Pamsukula; chữ thứ hai gọi là Lukha, tức là cái y thô xấu, có xuất xứ mạt hạng.

Xuất xứ mạt hạng là sao? Là cái vải quần xác, vải liệm tử thi, cái vải mà người ta liệm trên đồng rác và trước đó người ta dùng về việc gì thì trời biết. Vải mà người ta băng bó vết thương, vải dùng trong lúc sanh con, vải của phụ nữ sử dụng trong kỳ nguyệt san .v.v... Miễn sao mình đem về giặt giũ cho sạch, rồi nhuộm đúng cái màu mà luật cho phép, rồi cắt may thành lá y để mặc. Cái y đó có hai tên gọi: một là Pamsukula, pamsu là bụi bặm; tên thứ hai là Lukha, có nghĩa là thô xấu, cái y có xuất xứ mạt hạng.

Trong phòng này, nếu không được giải thích thì bà con mới nghĩ: ủa, mình tu là tu tâm, chứ còn chuyện mặc cái y gì có đâu quan trọng. Xin thưa, không đơn giản như vậy đâu. Quý vị phải coi cái thân mấy chục ký của quý vị nó rẻ tiền cỡ nào thì quý vị mới có thể mặc được loại này. Quý vị phải coi mấy chục ký này nó là cái gì? Nó là rác, nó tệ hơn rác thì mình mới đủ cái gan, đủ cái khiêm cung, đủ điều kiện tâm lý để khoác lên người lá y này. Người đã mặc được lá y này là coi như họ tự cho mình đã chân trong chân ngoài cái quan tài rồi, không có sợ hãi. Quý vị tưởng tượng, một người còn tham sống sợ chết, còn coi mình là quan trọng thì làm sao đủ can đảm thò tay lấy miếng vải quần xác, vải liệm máu me tùm lum đem về giặt nhuộm, cắt may. Đâu phải dễ, quý vị, đâu phải dễ. Trừ ra người nghèo khó ngoài đời, hết đất sống, bí quá phải như vậy thì mình không phục. Bởi vì hạng người ở ngoài đời không biết Phật pháp, họ có thể mặc đồ vải liệm nhưng nay mai có tiền là họ không muốn quay lại với nó nữa. Tôi nhắc lại lần nữa, ở trong phòng có nhiều người có lẽ không đồng ý nếu tôi không giải thích. Các vị nói: tôi nghèo là cái gì tôi cũng mặc. Đúng, nhưng chỉ cần hết nghèo thì có cho tiền quý vị cũng không dám quay lại với kiểu y phục này đâu.

Nhưng ở đây lại khác, người mặc cái này là suốt kiếp họ không chán, không sợ nó,

thì mới gọi là người mặc y phần tảo. Còn kiểu mình nghèo quá mình mặc thì cái đó không kể, cái đó là vì bí bách. Còn hạng người có điều kiện chọn lựa nhưng họ không màng. Cho nên, có cái gan trì hạnh phần tảo cũng là một cái gan đáng để cho nhân thiên ba cõi cúi đầu. Cái gan ăn đồ khất thực cũng là một cái gan đáng để cho chúng ta cúi đầu. Mới nghe qua thì thấy có gì đâu mà cúi. Xin thưa, quý vị có biết bình bát trong tay vị sư người ta để cái gì hay không? Các vị đừng dòm vào bình bát trong mấy buổi lễ bát hội. Bà con trong mấy lễ bát hội người ta để toàn đồ dâng hoàng. Thí dụ như ở Việt Nam đi bát hội người ta còn cho tiền, cái đó thì quá tốt rồi. Họ cho cái gì ở nơi này nơi kia mình biết xuất xứ, cơm cháo bánh kẹo có xuất xứ. Còn thứ đồ khất thực trong mấy làng xa xóm nhỏ quê nghèo, họ để cái gì thì trời biết. Thí dụ sáng dỡ cơm đi ruộng còn dư một góc, mình đi ngang họ múc cho một miếng thì cái đó cũng đỡ. Còn thứ cơm thiu cơm hẩm, chảy nước nhớt lầy, nhiều khi người cho không ngờ là nó đã hỏng, họ thấy mình đi ngang cũng hốt một nắm liệng vào bát. Nhiều khi cơm thừa canh cặn mình đâu có biết, cũng trút vào. Nói chung, khi mình biết chút ít về vi khuẩn, về dưỡng sinh, về thực phẩm sạch, mình mới thấy có cái gan ăn được đồ khất thực đúng là bậc anh hùng hào kiệt. Cho nên nếu đúng là chân tu, bần tăng khổ sai, thanh tu khổ hạnh thì trong cái ăn cái mặc đã đòi hỏi một vốn liếng tâm lý, một hành trang tâm tư lớn lắm chứ không phải dễ nuốt đâu. Cái hạnh dùng được tấm y thô xấu, có xuất xứ mạt hạng cũng là một hạnh tu đáng để cho nhân thiên cúi đầu.

### 13. Tỳ kheo ni Sigalàmàtā – Đệ nhất Đức tin

Bây giờ mình tiếp theo một vị Tỳ kheo ni tên là Sigalàmàtā, đệ nhất tín giải thoát, tương đương với Ngài Vakkali bên Tăng. Nàng cũng có một trăm ngàn đại kiếp huân tu Ba la mật. Huân tu có nghĩa là tích lũy, giống như huân tập. Kiếp cuối cùng, nàng sinh vào một gia đình tiểu phú rồi đi nghe pháp xuất gia. Nàng có một điểm đặc biệt là trong vô số người đến nghe pháp và chiêm ngưỡng tôn nhan Thế Tôn, nàng chỉ nhìn một lần là biết mình phải xuất gia tu hành dưới chân con người đó. Người ta nhìn chỉ thấy đẹp, còn nàng nhìn tôn dung của Ngài, nàng thấy ở đó có từ tâm, có trí tuệ, có bao nhiêu hạnh lành. Có giới, có định, có tuệ, có ta, có người, có nhân thiên

đại địa, càn khôn vũ trụ trong đó. Trong cái đẹp đó đại diện cho cái thiện muôn đời, cho chân lý muôn thuở. Nàng nhìn thấy trong tôn dung của Thế Tôn tất cả thiện pháp, thấy con đường giải thoát sinh tử trầm luân, giống như nhìn vào một tấm gương sáng cho muôn đời vạn đại hữu tình. Cho nên, người chiêm ngưỡng tôn dung của Thế Tôn mà thích thú, có niềm tin thì nhiều, nhưng nhìn với cái nhìn thấy ở đó có con đường giải thoát, thấy có giới định tuệ, có cái đẹp trong và đẹp ngoài thì không phải dễ. Cho nên nàng đi xuất gia và xem chuyện chiêm ngưỡng Thế Tôn cũng giống như một hạnh tu vậy.

Với đặc điểm này, các vị trong room có thể nghĩ chắc là do tôi nói thêm, nhưng thật sự là như vậy. Nàng quan sát Thế Tôn và thấy ở đó tất cả hạnh lành. Giống như ông Bá tước Keyserling của Đức, ông nói rằng mỗi lần có chuyện buồn, ông nhìn lên bức chân dung của Đức Phật, dù người ta vẽ lại dĩ nhiên không giống, nhưng ông thấy trên vầng trán đó, trong ánh mắt đó không có chỗ cho những tị hiềm, đố kỵ, ghen ghét. Trên vầng trán đó không có chỗ cho những suy nghĩ lối mòn, suy tư thiếu bao dung. Trên vầng trán đó, ông không thấy có chỗ cho sự toan tính, cho những thành kiến, bảo thủ hay lì lợm, ngoan cố. Trên vầng trán đó, ông thấy tất cả những hạnh lành, những đức tính đẹp nhất. Nghĩa là 25 thế kỷ sau, trên hành tinh này vẫn có người suy nghĩ như vậy khi nhìn về tôn dung của Đức Phật.

Vào một ngày thích hợp trước mặt đại chúng, Thế Tôn đã chính thức xác nhận: "Trong đệ tử Tỳ kheo ni của Ta, đệ nhất về tín giải thoát, lấy niềm tin làm nền tảng cho trí đại giải thoát, không ai hơn được Sigalàmàtà."

Như vậy, hôm nay mình đã học xong phần Tỳ kheo ni. Còn lại là học về hạnh lành của các vị thiện nam và tín nữ. Hôm nay là ngày thứ Ba. Chúng ta còn học ba ngày nữa là ngày mai, ngày Chủ nhật và thứ Hai. Sau đó tôi vắng mặt vì có việc phải đi làm Phật sự. Như vậy là ngày mai, ngày Chủ nhật và ngày thứ Hai nữa là xong.

(Hết phần Tỳ kheo ni)

THIỆN NAM & TÍN NỮ

1. Anh em nhà Tapassu Bhallikà

Bây giờ mình học tiếp theo phần những vị thiện nam có đặc hạnh xuất sắc trong giáo

pháp của Đức Phật. Hai nhân vật đầu tiên là anh em nhà Tapassu Bhallikà. Trong room này, tôi nghĩ tất cả bà con đều biết hai nhân vật này. Bởi vì ai đi Miến Điện mà không biết đại tháp Shwedagon ở Yangon. Tương truyền trong đó đang tôn trí tám sợi tóc của Đức Phật. Lịch sử của tám sợi tóc này bắt nguồn từ Ấn Độ, từ một thành phố gọi là Asitanjana. Cách đây cũng là 100.000 đại kiếp. Nói chung, nguyện cái gì cũng phải là 100.000 đại kiếp hết. Mấy vị Đại Thịnh Văn có biệt hạnh đó. Cứ nguyện cái này, sao tôi không ham cái này, sao ai nguyện gì ác vậy? Chứ cái chuyện quy y đầu tiên có cái gì đâu mà phải nguyện mất 100.000 đại kiếp.

Cách đây 100.000 đại kiếp, có hai người thiện nam thấy Đức Phật Padumuttara nhắc trước mặt đại chúng rằng: "Trong giáo pháp của Ta có vô số chúng sanh từ Long vương, Càn-thát-bà, Dạ-xoa, Kim-xí-điều rồi Dục thiên, Phạm thiên; nhưng trong đó, người đầu tiên nhìn thấy Như Lai sau khi Ngài giác ngộ chính là mấy người này". Họ chỉ nghe như vậy thôi mà họ mê, họ muốn để kiếp sau được như vậy. Chỉ nguyện có nhiều đó thôi.

Sau 100.000 đại kiếp tu hành, đến đời Đức Phật mình, Bồ Tát Tất Đạt sau sáu năm khổ hạnh thành Phật dưới gốc Bồ Đề. Trước khi thành Phật, Ngài nhận cơm sữa của nàng Sujata rồi vắt thành 49 vắt nhỏ. Ngài dùng hết 49 vắt đó rồi mới thành Phật. Sau khi thành Phật, Ngài nhịn suốt bảy tuần lễ, tức là 49 ngày. Lúc đó Ngài rất đói, cơ thể thật sự đang rất cần thực phẩm.

Lúc đó có một đoàn thương lái đi buôn bằng 500 chiếc xe bò đi ngang cánh rừng gần chỗ Ngài đang ngồi. Có hai người đánh xe thuê cho người ta, giống như là bảo tiêu, tức là vận chuyển hàng giùm cho người ta. Hai ông đánh 500 cỗ xe bò đi ngang đó thì có một vị thọ thần ở trong rừng, vốn là bà con kiếp trước của hai anh em này. Vị thọ thần biết rằng Đức Thế Tôn đã nhịn đói nhiều ngày, đang cần thực phẩm, và đây là cơ hội bằng vàng để hai người bà con của mình tạo phước. Cho nên vị thọ thần mới dùng thần thông khiến cho mấy cỗ xe bị lún xuống.

Hai anh em loay hoay không biết phải làm sao thì vị thọ thần xuất hiện. Ông hiện ra nói rằng có một vị Đại Sa-môn cực kỳ khả kính đang ngồi gần đây và Ngài đang rất cần thực phẩm. Hai người đó sẵn có thực phẩm đường dài, chỉ là bánh bột thô, đem

tới cúng dường cho Ngài.

Quý vị phải đồng ý với tôi một chuyện là ở đời này có nhiều chuyện xảy ra rồi mình mới biết, chứ ngồi tưởng tượng, vạch mộng, làm thơ hay hình dung liên tưởng thì khó lắm. Trong khi mình thấy chuyện Ngài sắp sửa giáng trần, khi Ngài đang ở cung trời Đâu Suất trong kiếp áp chót, chư thiên và Phạm thiên trong bao nhiêu vũ trụ hàng hà xa số tới thỉnh Ngài giáng trần để thành Phật. Rồi từ lúc Ngài đản sanh cho đến từng bước trong cuộc đời, chư thiên theo dõi, quan sát, chăm sóc biết bao nhiêu. Ấy vậy mà sau bảy tuần lễ Ngài không ăn gì, không biết chư thiên dắt nhau đi đâu hết, không ai dòm ngó gì hết.

Chư thiên đi đâu mà để Thế Tôn sau 49 ngày nhịn đói phải dùng ngọc bằng một món không xứng đáng với Ngài. Bánh trong kinh ghi rõ là bánh bằng bột, giống như bánh đa, bánh đúc của mình vậy. Hai ông này nghe như vậy bèn bưng mâm tới cúng dường Ngài. Lúc đó, trong thời gian khổ hạnh, bình bát của Ngài đã mất rồi, nên Ngài không có bình bát.

Với Nhất thiết trí của vị Chánh Đăng Giác, Ngài suy nghĩ rất nhanh. Khi hai người đem mâm bánh tới, Ngài nghĩ rằng Chánh Đăng Giác không bao giờ nhận thức ăn bằng tay mà chỉ nhận bằng bát, mà hiện giờ Ngài không có bình bát. Ngay lúc đó, Tứ Thiên Vương lập tức xuất hiện. Mỗi vị bưng một cái bình bát dâng lên. Ngài muốn cho cả bốn vị đều hoan hỷ, nên Ngài lấy bốn cái bình bát chồng lên nhau và chú nguyện cho chúng hợp thành một. Ngài không nhận của riêng ai, mà lấy cả bốn cái chồng lên thành một để nhận mâm bánh của hai anh em.

Ngài thuyết pháp cho họ nghe xong, họ từ giã ra đi và thưa rằng: "Chúng con hôm nay gặp Ngài ở đây, không biết còn dịp nào gặp lại. Xin Thế Tôn cho chúng con một ít kỷ vật để về thờ." Lúc đó, Thế Tôn đưa bàn tay phải chạm lên tóc, lấy cho họ tám sợi tóc. Hai anh em đựng tóc trong một cái hộp bằng vàng đem về thành phố quê hương của mình.

Thường thì người ta thờ di vật của người đã khuất, còn đây là sợi tóc của người đang còn sống, gọi là Jiva (tóc tươi). Họ lập tháp thờ ngay tại cổng thành chỗ ra vào thành phố. Cứ vào những ngày giới, ngày Bát quan trai như rằm, ba mươi, mùng tám, hai

mười ba, ngôi tháp này lại tỏa ra ánh sáng màu xanh.

Ở một quyển kinh khác cho biết, sau nhiều cuộc bể dâu thăng trầm, tám sợi tóc này đã được chuyển về Miến Điện. Có rất nhiều truyền thuyết, nhưng phổ biến nhất là tám sợi tóc đang được thờ ở tháp Shwedagon tại Yangon, Miến Điện, chính là tám sợi tóc từ câu chuyện này. Lúc đó, hai anh em thọ quy y nhưng chỉ quy y Phật và quy y Pháp, chứ chưa có quy y Tăng. Sau đó hai người đi về.

Sau đó, Táp-bút-xá trở thành một thiện nam thuần thành trọn đời tu Phật. Còn người em là Bhallika thì xuất gia và chứng lục thông. Về sau, Táp-bút-xá trở thành một thiện nam thuần thành, còn riêng người em Bhallika thì xuất gia chứng lục thông.

Vào một ngày mùa thu, khi ngài Bhallika đang ngồi thiền ở trong rừng, ác ma xuất hiện, biến ra một hình hài cực kỳ khủng khiếp để hù dọa ngài. Ngài đọc một bài kệ trả lời rằng: Người như ta bây giờ không còn cái để thích thì làm sao còn cái để sợ. Ác ma bèn biến mất. Ta bây giờ không còn cái gì để thích thì làm sao còn cái để sợ.

Câu này rất hay, đáng để ghi nhớ. Tại sao mình cứ giận hờn, khó chịu, tại sao mình còn sợ hãi, sợ chết, sợ ma, sợ bóng đêm, sợ độ cao? Đó là vì mình còn có cái thích. Còn có cái thích thì còn có cái ghét. Câu trả lời của ngài Bhallika nghe rất bình thường nhưng cực kỳ sâu thẳm, chứa đựng tôn chỉ tu hành của chư Phật mười phương ba đời: Ta bây giờ không còn cái gì để thích thì làm sao còn cái để sợ.

Khi đọc kinh, nếu khéo dụng ý thì chúng ta sẽ rút ra được những bài học giáo lý cực kỳ sâu sắc.

## 2. Sudatta Anāthapindika (Cấp Cô Độc) – Đệ nhất bố thí

Tiếp theo, chúng ta học về một nhân vật nữa là ông Cấp Cô Độc. Trong bản Pali, phần kể về ông Cấp Cô Độc rất ngắn vì ông là một người cực kỳ nổi tiếng. Trong hàng Phật tử, hiếm có người nào mà không biết đến ông.

Nhũ danh của ông là Sudatta. Còn ngoại hiệu, cũng là mỹ danh của ông, là Anāthapindika, nghĩa là người cấp dưỡng cho kẻ cơ nhỡ. Cấp Cô Độc phải hiểu như vậy. Cô là trẻ nhỏ không cha không mẹ. Độc là người già không có con cháu nuôi dưỡng. Quan là người đàn ông góa vợ. Quả là người đàn bà góa chồng. Bốn hạng người này nếu không tiền bạc, không cơm áo thì ông đều nuôi hết. Cô là mồ côi, độc

là người già không ai chăm sóc, quan là đàn ông góa vợ sống hiu quạnh, quả là đàn bà góa chồng. Bốn hạng này gom chung lại gọi là Anath. Ông là người nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho những người này, cho nên ông được gọi là Anathapindika. Ông có một gia thế rất hoành tráng, một bối cảnh rất chói lọi. Trong gia tộc ông đều là những người rất giàu có và ông cũng là thông gia với bà Visakha. Con trai của Cấp Cô Độc lấy em gái của bà Visakha, như vậy con trai Cấp Cô Độc là em rể của bà Visakha.

Ông có một người anh biết đạo trước. Chuyện này chắc mọi người đều biết, tôi kể vắn tắt thôi. Cấp Cô Độc là một thương gia, anh ông cũng là thương gia, cả hai anh em rất giàu có. Năm nào cũng vậy, ông đi đến thăm anh mình. Có lần ông đến thăm, mọi khi anh em gặp nhau tay bắt mặt mừng, ôm chầm thương lắm, nói năng líu lo, dọn phòng, trà khuya rượu sớm. Nhưng lần này ông đến, người anh chỉ nói: "Anh đang bận tay, phòng ốc có sẵn đó, người nhà sẽ giúp em nha, xin lỗi". Rồi ông để cho Cấp Cô Độc tự xoay xở trong ngôi nhà to đùng.

Cấp Cô Độc ngạc nhiên thấy anh mình xưa giờ chưa hề có thái độ như vậy, ông mới hỏi: "Hình như anh bận lắm phải không? Dừng lều che rạp, sắp xếp chỗ ngồi trang trọng, ở nhà có cưới hỏi gì hay sao?". Người anh nói: "Đâu có cưới hỏi gì đâu, ngày mai thỉnh Thế Tôn và chư Tăng đến cúng dường, chư Tăng đông lắm".

Nghe đến danh hiệu Đức Phật, ông sửng người, choáng váng. Đêm đó ông ngủ không được.

- Cuối cùng ông qua hỏi anh: "Bây giờ em muốn gặp Thế Tôn lắm, gặp Đức Phật lắm".

- Anh ông nói: "Mai gặp".

- Ông bảo: "Không, em không ngủ được, em muốn gặp ngay bây giờ".

- Người anh nói: "Trời ơi, đi sao được? Ngài ở bên cánh rừng đó, bây giờ trời tối thui, không biết Ngài đang nghỉ hay đang nhập định. Rừng đêm tối tăm, đầy rẫy mãnh thú, ghê quá, để sáng đi".

- Ông nói: "Không, chỉ cần em biết hướng đó là được rồi".

Bắt đầu ông mở cửa bằng qua cái sân rộng của tòa lâu đài, hướng về cánh rừng. Ông phải đi bằng qua một bãi tha ma. Có lẽ các vị Phật tử ở đây nghe chữ bãi tha ma chứ

cũng không biết bãi tha ma là gì. Người Ấn Độ có nhiều cách an táng: Một là lâm tán - tức là liệm trong rừng, bỏ xác trong rừng; Hai là thủy tán - quần sơ sơ rồi thả bè cho trôi sông; Ba là hỏa tán - đem đốt; Bốn là mai tán - đem chôn; Năm là thiên tán - đem để ở đâu đó cho chim trời ăn.

Như vậy có lâm tán, thủy tán, hỏa tán, mai tán và thiên tán. Bãi tha ma là chỗ lâm tán, nghĩa là những người không có danh phận khi chết người ta cứ đem liệm vào đó cho gọn. Các vị tưởng tượng xem, ngày nay mình chỉ thấy điều đó ở một vài nơi trên thế giới thôi. Thí dụ như Indonesia hay Philippines, nhưng cũng chỉ ở một vài vùng cực kỳ hẻo lánh chứ không còn phổ biến nữa. Ghê lắm quý vị. Nguyên một khu rừng toàn xác cũ, trơ ra mấy bộ xương, đầu lâu trắng hếu. Tôi nói thiệt với bà con, đầu lâu trắng hếu tôi không có ngán, mà tôi ngán xác mới. Mấy cái xác phình bụng to rỉ nước, mấy cái xác mới vừa liệm hồi sáng, đi rồi vấp lên vấp xuống, té không có chỗ vịn, cái đó tôi mới ngán. Chứ nếu toàn xương khô thì tôi không ngán. Thứ nhất là không sợ bệnh. Thứ hai, xương là xương thôi, không kích thích sự tưởng tượng bằng mấy cái xác chưa rã.

Tôi nói như vậy để quý vị thấy bối cảnh của ông này lúc đó rừng rợn cỡ nào. Vì nghĩ đến Phật mà ông chịu không nổi, phải đi liền trong đêm. Đang đi như vậy, lâu lâu nghe tiếng con dã can, con chó rừng tru hú là rợn người, rồi tiếng chim heo, cú mèo kêu ớn lạnh. Nhưng ông cứ nghĩ đến Ngài nên thấy sáng trưng. Chỗ nào trắng trắng là xương, chỗ nào đen đen là xác người. Đang đi, tự nhiên ông vấp phải một cái xác mới. Khi bị vấp như vậy, ông hoảng hồn. Lúc ông hoảng thì ánh sáng không còn nữa, vì đó là ánh sáng tâm lý. Lúc đó ông tính quay lại nhiều lần lắm. Càng đi sâu ông càng thấy mình đã nhầm.

Nhưng một lát sau ánh sáng trở lại, ông đi tiếp. Lúc đó có một vị Dạ xoa tên là Sivaka, cũng là quyến thuộc quá khứ, biết ông sẽ là một đại nhân vật. Vị Dạ xoa này mới nói: Mỗi bước chân của ông bây giờ trị giá bằng một trăm ngàn đồng vàng, ông liệu mà bước đi. Với máu thương mại của một thương gia, ông tưởng tượng một bước chân trị giá cả trăm ngàn vàng thì nên đi tới hay nên lui? Nghe nói mỗi bước chân giá trị như vậy, không phải ông toan tính lời lỗ, mà ông ý thức được rằng cuộc đời mình

bắt đầu sang trang, bước qua một bước ngoặt mới. Có một sự rõ ràng theo yếu tố tâm linh rất lớn. Nếu đang sợ mà nghe tiếng nói như vậy, tôi nghĩ mình sẽ không sợ nữa mà lại thấy phấn chấn, vì biết rằng trên đời bắt đầu có chuyện kỳ lạ. Ông đi qua khỏi bãi tha ma thì nghe một tiếng nói: “Hãy đến đây, Như Lai đang ở đây”. Người mà biết được tên thật của ông không có nhiều, vậy mà tiếng nói ấy gọi ngay tên cúng cơm của ông: “Sudatta, hãy đến đây, Như Lai đang ở đây.” Nghe như vậy, ông không còn biết trời đất gì nữa, cứ nhắm phăng phăng tới chỗ đó rồi quỳ sụp xuống và Ngài thuyết pháp cho ông.

Chuyện văn tắt là hôm sau, khi về nhà người anh, ông đã trở thành một người Phật tử. Ông lặn lội dốc sức phụ giúp cúng dường cho Đức Phật và chư Tăng. Sau đó, ông tức khắc dẹp hết chuyện làm ăn, trở về Xá Vệ tìm ngay một miếng đất để Thế Tôn và Thánh chúng có chỗ cư trú và hoằng pháp độ sinh.

Từ đó mới có chuyện ông đi thương lượng với chủ đất là Thái tử Kỳ Đà. Ông thấy không có miếng đất nào tốt hơn khu vườn của Thái tử Kỳ Đà.

- Nhưng vị chủ đất này nói: “Không, đất này tôi ưng ý lắm, làm sao mà bán được”.
- Ông năn nỉ mãi, Thái tử mới nói: “Thôi được, ông năn nỉ quá thì tôi bán, nhưng tôi nói thật là nó vô giá đó. Ông trải vàng đến đâu thì lấy đất đến đó”.

Thái tử muốn làm khó để ông đừng năn nỉ nữa. Nhưng Thái tử không ngờ là ông Cấp Cô Độc không chỉ giàu tiền bạc mà còn giàu cả tín tâm. Lấy hai cái giàu này cộng lại, ông cho người nhà chở vàng lên trái. Trái tới đâu, ông lấy đất tới đó. Khi gần kín miếng đất, ông đứng chống nạnh nhìn quanh, nhíu mày suy nghĩ.

- Thái tử Kỳ Đà mới hỏi: “Ông tiếc của hay là đã hết vàng rồi?” Đó là một câu hỏi rất hay.

- Ông trả lời: “Ta không tiếc của, mà vàng của ta thì còn lâu mới hết. Ta đang suy nghĩ, đang băn khoăn xem nên bảo tụi nhỏ lấy vàng ở kho nào cho gần, chứ để chúng đi xa quá thì biết chừng nào mới xong.”

Các vị nghĩ xem, trên đời có người nào giàu đến mức như vậy: không tiếc của và cũng không hết vàng. Vấn đề chỉ là lấy ở kho nào cho gần thôi. Thái tử Kỳ Đà nghe vậy thì hết hồn. Ông hết hồn không chỉ vì sự giàu có, mà vì tín tâm của ông Cấp Cô

Độc.

- Thái tử nói: "Thôi được rồi, đủ rồi. Phần ông đã trải vàng coi như đủ tiền mua đất, còn phần còn lại coi như tôi đóng góp."

Nhờ vậy, lịch sử Phật giáo có thêm một ngôi chùa, đó là chùa Kỳ Viên.

Kể từ đó, mỗi ngày tại nhà ông Cấp Cô Độc đều có ít nhất 500 vị Tỳ-kheo đến dùng bữa trưa. Những vị thích đi hóa duyên từng nhà thì cứ đi, còn những vị lớn tuổi, mệt mỏi hoặc có việc riêng thì cứ sắp xếp từ chùa đến thẳng nhà ông thọ trai, không cần đi khất thực xa xôi từng nhà.

Chư Tăng cứ việc sắp xếp nhau, từ chùa đi thẳng tới nhà của ông để thọ trai, không cần phải đi khất thực xa xôi từng nhà. Trong chú giải có ghi thêm thế này: hôm nào Thế Tôn nghỉ đêm ở chùa Kỳ Viên thì hôm sau sẽ nghỉ trưa ở chùa Đông Phương của bà Visakha. Chùa Kỳ Viên là của ông Cấp Cô Độc, còn chùa Đông Phương là của bà Visakha. Nếu Ngài nghỉ đêm ở chùa Kỳ Viên thì ngày hôm sau sẽ nghỉ trưa ở chùa Pubbarama. Chùa này mới cất có 500 phòng cho chư Tăng. Còn chùa Kỳ Viên thì trong chú giải có kể rất dài, tôi không nhớ hết, trong đó có tên hội trường, chiều cao, chiều ngang, chiều rộng đầy đủ lắm. Tôi chỉ kể vắn tắt cho quý vị nghe thôi.

Cứ Thế Tôn nghỉ trưa ở bên này thì nghỉ đêm bên kia, nghỉ đêm bên kia thì nghỉ trưa bên này. Đại khái như vậy, liên tục ngày nào cũng có chư Tăng. Từ chuyện này mới dẫn đến một sự kiện động trời trong lịch sử Phật giáo. Đó là chuyện vua Ba Tư Nặc thấy ông Cấp Cô Độc chỉ là một người dân dã mà có quan hệ với Đức Phật và chư Tăng quá thân mật. Như bà Visakha còn nói một câu rằng: "Khi ta đi vô chùa, các vị sư nhỏ hay nhìn vào bàn tay của ta xem ta có cầm cái gì cho họ hay không, nên không bao giờ ta đi chùa mà không có thức ăn buổi sáng và nước uống buổi chiều." Ông Cấp Cô Độc cũng có một câu y chang như vậy. Cho nên vua Ba Tư Nặc thấy mình là vua mà sao lại thua hai người dân dã này. Thế là vua bèn vào xin Đức Phật cho mỗi ngày có mấy trăm chư Tăng đến hoàng cung thọ thực. Nhưng nó lại nảy sinh vấn đề. Chuyện động trời gọi là máu chảy thành sông, xương chất thành núi cũng từ chuyện này mà ra.

Sau khi Đức Phật nhận lời, mỗi ngày chư Tăng có thêm một chỗ để đi. Có khi 500 vị,

có khi trong kinh nói 1.000 hay 2.000 vị đến nhà ông Cấp Cô Độc, đến chỗ bà Visakha, và bây giờ thêm chỗ hoàng cung của vua. Nhưng có một điều quan trọng: khi đến nhà ông Cấp Cô Độc hay bà Visakha, chư Tăng được chăm sóc từ ngoài ngõ. Có người cung đón, có chỗ rửa chân, có khăn lau chân. Khi ngồi xong bước xuống ra đi, vị nào bệnh hoạn đều được hỏi thăm, thuốc men chăm sóc rất ân cần. Riêng chốn hoàng cung thì lại khác, thâm cung vờn vờn, vào tới nơi thì chỉ có vài người hầu đứng nhìn, chống cằm, gãi đầu. Có khi đến giờ ăn mới có người ra múc cho chút đỉnh. Chư Tăng thà ôm bát ăn cơm của ngàn nhà mà ấm áp đạo tình, còn hơn ở chỗ cao sang quyền quý mà thấy ghẻ lạnh, tủi thân. Các bậc Thánh thì không sao, nhưng phàm tăng dù sao cũng có chút chạnh lòng. Thế là bắt đầu vắng dần, buổi đầu 500 vị, rồi còn 400, 200, 100, 80 vị, rồi riết le que chỉ còn một hai vị. Cuối cùng chỉ còn mình Ngài Ananda. Vua buồn quá. Thức ăn thì lúc nào cũng thừa mứa, nhưng mà cái cách cho không khéo. Bởi vậy, của cho không bằng cách cho là ở chỗ đó.

Cuối cùng, vua mới vào than trách với Đức Phật: Bạch Thế Tôn, như bà Visakha hay ông Cấp Cô Độc bao nhiêu năm nay cúng dường chư Tăng, lúc nào các Ngài cũng vui vẻ tới. Còn riêng con, con đâu có thiếu đạo tâm, mà sao chư Tăng dường như không quan tâm, không thương con?

Đức Phật mới kể một câu chuyện xưa, ngụ ý rằng cách cho quan trọng hơn vật cho; mình đối xử với người ta ra sao chứ không phải chỉ là cho cái gì. Ngài kể cho vua nghe một câu chuyện có nội dung như vậy. Vua về suy nghĩ mãi, mới nghĩ rằng chắc bây giờ mình phải đi thêm một bước nữa mới có thể gần gũi Đức Phật và chư Tăng được. Thế là vua mới cho người vào dòng họ Thích Ca để cầu hôn.

Bởi vì dòng Thích Ca có lệ không lấy người ngoài dòng tộc, nhưng có thể kết thân với dòng vua Koliya. Thời đó, dòng Thích Ca chỉ cưới hỏi với dòng vua Koliya và vua Pasenadi. Chuyện thì dài lắm, để khi khác tôi kể tiếp. Vua cho người đến đó tìm một người trong hoàng tộc để cưới, với ý định khi đã là người nhà của Thế Tôn thì chư Tăng sẽ đối đãi với mình thân thiết hơn. Ông nghĩ nước đi đó là hay, nhưng thực ra lại dở, vì quan trọng là thái độ của ông chứ không phải thân thế, ai mà không biết ông là vua.

Lúc đó, dòng Thích Ca vốn rất kiêu ngạo, không muốn gả công chúa đích tôn mà lại đi tìm một người có xuất thân hơi khuất tất. Đó là con riêng của một hoàng thân với một cô nữ tỳ. Thay vì gả quận chúa, họ lại chọn một người con rơi. Dòng Thích Ca khi đó thấy người ta tới hỏi vợ, nếu không gả thì mất lòng, mà gả người đích tôn thì thấy không ai xứng đáng, nên họ chọn một người hàng thứ phẩm để gả cho đỡ ức.

Họ lấy cô con riêng của vị hoàng thân với cô nữ tỳ, cô này cũng rất đẹp, cho ăn mặc đàng hoàng, lên kiệu hoa tám người khiêng đem về cho vua. Vua mừng lắm, nhưng không hề hay biết sự thật. Mãi về sau, vua và người vợ này có con, đứa con lớn lên đi về thăm quê ngoại. Cậu bé đó tên là Vidudabha. Chuyện về sau còn dài, khi cậu về đó thăm thì dòng Thích Ca đối xử không tốt. Tôi cũng chẳng rõ gọi là quê nội hay quê ngoại, vì cả cha và mẹ đều ở đó. Má mình là nô tỳ cho dòng họ, cho nhà của ba mình, đại khái như vậy. Khi ông về thăm, thấy dòng Thích Ca ghẻ lạnh lắm là ông đã tui rồi. Sau mấy ngày ở đó, người ta miễn cưỡng tiếp nhưng thấy có vẻ không có trọng mà ông không biết lý do tại sao.

Đến lúc ông từ giã ra về, trong đám lính hầu có một đứa bỏ quên đồ mới quay trở lại. Nó nghe lỏm được câu nói của một cô cung nữ vừa lau dọn bàn ghế của đám khách hồi nãy. Cô vừa lau vừa nói với mấy người kia, còn xí một cái: "Tưởng gì, con của nô tỳ, thứ con rơi con rớt kiếm một năm cả rồi, chứ đừng nói một hai đứa quý giá gì. Bây giờ về thấy xanh xang áo mảo là nó ghét."

Quý vị biết không, cái thứ tiểu tâm nó sinh ra đại sự lắm. Mặc gì mà mình nói cái đó làm chi. Trong chùa cũng hay có loại này lắm, khinh thường mình hay giữ bộ gì là nói ra làm cho mất lòng, không có đẹp. Tiểu tâm sinh đại nạn. Người ta có khả năng làm chuyện lớn, còn đám này chỉ làm lớn chuyện thôi.

Anh chàng lính hầu nghe như vậy bèn thuật lại với hoàng tử Vi-đô-đa-ba. Hoàng tử nói: "Hôm nay tui nó lấy sữa tươi lau chỗ ngồi cho ta." Đúng là hồi nãy anh lính hầu thấy tui nó lấy sữa tươi lau trong hoàng cung cho sang lắm, dân không có sữa uống nhưng trong hoàng cung lấy sữa để lau chỗ ngồi cho sáng. Ông nói: "Hôm nay họ lấy sữa tươi lau chỗ ngồi của ta, mai này ta sẽ lấy máu của họ để lau chỗ ngồi của ta."

Đúng như vậy, về sau chính ông đã xua quân tàn sát dòng Thích Ca. Mọi cơ sự khởi

đi từ câu nói vô ý thức của cô lau ghế, mà truy nguyên nguồn cội sâu xa cũng từ chuyện vua Ba-tư-nặc đi lấy vợ bên dòng Thích Ca. Xa hơn nữa là chuyện ông Cấp Cô Độc là đại thí chủ được lòng chư tăng.

Cho nên mình có một bài học cực lớn ở đây: chuyện đẹp nhất trên đời có thể là nguồn cơn của một chuyện xấu tệ, và một chuyện xấu tệ có thể là nguồn cơn cho một chuyện cực đẹp. Chúng ta phải nhớ chỗ này, cái này quan trọng vì nó là tương đối. Cho nên Lão Tử mới nói: "Họa hề phúc chi sở tàn, phúc hề họa chi sở phục". Trong phúc vốn là chỗ núp của họa, trong họa lại là chỗ ẩn núp của phúc. Chuyện đẹp đôi khi lại là nguồn cơn cho một chuyện tan nát can tràng.

Hết giờ rồi, xin hẹn các vị lại ngày mai. Chúng ta còn ba buổi giảng: ngày mai, ngày Chủ nhật và thứ Hai. Đi đâu thì đi, chúng tôi cũng ráng tranh thủ để không bỏ lớp như nửa năm qua. Bây giờ có tuổi, phải dành hết thì giờ cho xong. Chúc các vị một ngày một đêm an lành.